

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HS-ST
Ngày 29-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Hoà

Thẩm phán: Ông Vũ Đức Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Quốc Tuấn

Ông Trần Văn Toàn

Bà Lý Thị Tuyền

- Thư ký phiên toà: Dương Thục Trinh – Thư ký

- Đại diện VKS tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Hòa – Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 19/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Giàng A S, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1983 tại P - Lai Châu;

Nơi cư trú: bản S1, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A T (đã chết) và con bà Sùng Thị C (đã chết); có vợ thứ nhất là Ngải Thị C1, sinh năm 1984 (đã ly hôn, vợ thứ hai là Giàng Thị S2, sinh năm 1993 và có 03 con (đều là con chung của bị cáo với vợ thứ nhất), con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2022 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Giàng A D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1972 tại P - Lai Châu;

Nơi cư trú: bản L, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Mông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A C2 (đã chết) và con bà Ma Thị D1, sinh năm 1935; có vợ là Sùng Thị C3, sinh năm 1973 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất 2006; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2022 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo:

Ông Lê Mạnh H – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lai Châu. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Giàng A H1, sinh năm 1999; nơi cư trú: bản L, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu. (có mặt)

- Người làm chứng:

+ Ông Hoàng Tuấn C4, sinh năm 1977; nơi cư trú: bản T1, xã M1, huyện P, tỉnh Lai Châu; (có mặt)

+ Ông Thần A L1, sinh năm 2000; nơi cư trú: bản N, xã M1, huyện P, tỉnh Lai Châu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tháng 6/2019, sau khi mua được 02 con trâu, Giàng A S mang 02 con trâu đó bán cho một người đàn ông Trung Quốc với giá 28.100 nhân dân tệ tại khu vực mốc 68 thuộc địa phận xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu. Đến ngày hôm sau, S đem 1.000 nhân dân tệ đến cửa khẩu M2, huyện P để đổi sang tiền Việt Nam thì biết được là tiền giả, S liền lục cho người mua trâu nhưng không được nên cất dấu 28.100 nhân dân tệ giả ở nhà.

Sáng ngày 24/3/2022, Vũ Văn T2 sinh năm 1993 (trú tại bản N, xã H2, huyện P, tỉnh Lai Châu) gọi điện cho S hỏi mua tiền Trung Quốc giả. Sau đó, S đưa 01 tờ mệnh giá 100 nhân dân tệ cho T2 để lưu hành thử. Đến ngày 26/3/2022, T2 đồng ý mua một vạn nhân dân tệ với giá 14.000.000 đồng và hẹn thời gian, địa điểm mua bán.

Sáng ngày 27/3/2022 S gặp và rủ chú họ là Giàng A D chở S xuống bản N, xã H2 bán tiền Trung Quốc giả, nếu bán được sẽ trả công cho D 300.000 đồng, đồng thời sẽ bảo người mua tiền trả thêm 300.000 đồng nữa thì D đồng ý. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, S lấy số tiền 28.000 nhân dân tệ giả đựng trong túi nilon màu trắng, giấu vào cặp quần trước bụng đến ngã ba bản N, xã H2 chờ một lúc thì D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 25B1-668.85 đến. S kéo áo lên cho D biết tiền giả rồi cả hai cùng đến địa điểm hẹn T2, tại địa điểm hẹn không gặp T2 nhưng gặp một người nam giới không rõ nhân thân, lai lịch và là người của T2 đến mua tiền Trung Quốc giả. S cầm 28.000 nhân dân tệ rồi cùng người nam giới trên đi vào khe núi gần đường và đưa tiền giả cho họ đếm tiền, khi đó D đứng cách khoảng 05 mét để canh giới. Một lúc sau, cho rằng người nam giới không đủ tiền mua nên S không bán 28.000 nhân dân tệ giả nữa và quay lại bảo D chở về. Khi S và D đến khu vực bản T1, xã M1, huyện P, tỉnh Lai Châu thì bị tổ công tác phòng hình sự - Công an tỉnh Lai Châu phát hiện và bắt quả tang vào hồi 17 giờ cùng ngày, thu giữ toàn bộ số tiền 28.000 nhân dân tệ giả trên, bao gồm 280 tờ tiền mệnh giá 100 nhân dân tệ có cùng mã số hiệu AU90098802.

Tại bản kết luận giám định số 1903/KL-KTHS, ngày 31/3/2022 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: 280 (hai trăm tám mươi) tờ tiền ghi mệnh giá “100 YUAN” có cùng mã số hiệu AU90098802 là các tờ tiền Trung Quốc mệnh giá 100 Nhân dân tệ giả.

Tại Văn bản số 267/LCH-TTGS, ngày 04/4/2022 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Lai Châu xác định: tỷ giá chéo của đồng Việt Nam so với đồng Nhân dân tệ Trung Quốc (CNY) áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu từ ngày 24/3/2022 đến ngày 30/3/2022 như sau: 01 CNY = 3.636,72 đồng. Quy đổi số tiền 28.000 CNY sang đồng Việt Nam thời điểm ngày 27/3/2022 như sau: 28.000 CNY = 101.828.160 đồng (*Một trăm linh một triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, một trăm sáu mươi đồng*).

[2] Về các vấn đề khác trong vụ án:

- Đối với Vũ Văn T2, theo lời khai của S thì T2 là người đặt mua tiền giả và cầm 100 Nhân dân tệ giả mang đi lưu hành thử. Qua điều tra nhưng T2 không thừa nhận nên chưa đủ căn cứ xử lý trong cùng vụ án.

- Đối với người nam giới đến địa điểm hẹn mua bán tiền giả với S nhưng không rõ nhân thân, lai lịch cụ thể nên chưa đủ căn cứ xử lý trong cùng vụ án.

- Đối với người đàn ông Trung Quốc mua trâu của S và trả tiền Trung Quốc giả như S khai nhận, qua điều tra không đủ cơ sở làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[3] Về vật chứng của vụ án:

Quá trình điều tra đã thu giữ: 280 (Hai trăm tám mươi) tờ tiền giả mệnh giá 100 Nhân dân tệ, có cùng số seri: AU90098802; 01 xe mô tô Wave RSX; 01 điện thoại di động Vivo, kèm 01 thẻ sim; 01 điện thoại di động itel, kèm 01 thẻ sim.

Tại bản Cáo trạng số 80/CT-VKSLC-P1 ngày 21/11/2022 của VKSND tỉnh Lai Châu truy tố Giàng A S, Giàng A D về tội "Tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả" theo khoản 3 Điều 207 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội "Tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả", về điều luật áp dụng và hình phạt, cụ thể như sau:

Đối với Giàng A S: áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38/BLHS, xử phạt bị cáo từ 10 năm 06 tháng đến 11 năm 06 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đối với Giàng A D: áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38/BLHS, xử phạt bị cáo từ 10 năm đến 11 năm tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng theo quy định; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[4] Ý kiến của các bị cáo, người bào chữa và người có quyền lợi liên quan tại phiên tòa,

Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân như cáo trạng đã truy tố và đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Người liên quan trình bày, chiếc xe mô tô bị cơ quan điều tra thu giữ là của người liên quan, qua quá trình lao động (đi làm thuê ở Bắc Ninh) có tích lũy được ít tiền nên anh H1 mua xe mô tô để ở nhà cho bố mẹ đi và khi bị cáo D (bố anh H1) sử dụng vào việc phạm tội thì anh H1 không biết. Do đó, đề nghị Tòa trả lại chiếc xe mô tô cho người liên quan.

Người bào chữa cho các bị cáo cho rằng, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng sâu vùng xa và đặc biệt khó khăn, học vấn thấp và không được học hành nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; đối với bị cáo S, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên khi bị người Trung Quốc lừa trả tiền giả, bị cáo xót của giữ lại chờ cơ hội bán tiền giả để hạn chế thiệt hại về tài sản cho bản thân; đối với bị cáo D, hám lời nhất thời, bị rủ rê lôi kéo, vai trò trong vụ án là không đáng kể. Các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự nên đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm hình phạt cho các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Vào hồi 17 giờ 00 phút, ngày 27/3/2022, tại khu vực bản T1, xã M1, huyện P, tỉnh Lai Châu, cơ quan Công an tỉnh Lai Châu phát hiện và bắt quả tang Giàng A S và Giàng A D đang thực hiện hành vi tàng trữ, vận chuyển với mục đích bán 28.000 Nhân dân tệ tiền Trung Quốc giả (bao gồm 280 tờ tiền mệnh giá 100 Nhân dân tệ có cùng mã số hiệu AU90098802) có trị giá quy đổi sang đồng Việt Nam là 101.828.160 đồng. Hành vi này là nguy hiểm cho xã hội, với tính chất đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách quản lý tài chính, tiền tệ của Nhà nước. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Hành vi đó của các bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội phạm và đã phạm vào tội “Tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả” – tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 207/BLHS.

Do đó, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là hoàn toàn có cơ sở, không oan sai, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo từ nhỏ được gia đình nuôi dưỡng, trong quá trình sinh sống, lao động sản xuất chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nhà nước.

Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng sâu vùng xa và đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo – theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về vai trò của các bị cáo:

Trong vụ án này, bị cáo S là người có vai trò chủ yếu, bị cáo là người chủ mưu, rủ rê, lôi kéo bị cáo khác phạm tội; bị cáo D là người có vai trò không đáng kể, phạm tội lần đầu là người giúp sức cho bị cáo S để được hưởng tiền công. Do đó, đối với bị cáo D cần quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ sức răn đe, giáo dục, phòng ngừa riêng cũng như phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nghề nghiệp và thu nhập từ sản xuất nông nghiệp thấp nên khó có khả năng thi hành hình phạt bổ sung nên cần miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- Cần tịch thu tiêu hủy vật nhà nước cầm tàng trữ, lưu hành: 280 (*Hai trăm tám mươi*) tờ tiền giả mệnh giá 100 Nhân dân tệ, có cùng số seri: AU90098802.

- Cần tịch thu, hóa giá sung quỹ nhà nước những đồ vật là công cụ phương tiện phạm tội: 01 điện thoại di động Vivo, kèm 01 thẻ sim; 01 điện thoại di động itel, kèm 01 thẻ sim.

- Cần trả lại cho người có quyền lợi liên quan Giàng A H1 01 xe mô tô Wave RSX.

[7] Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội, các bị cáo sinh sống vùng đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[8] Kiến nghị:

Kiến nghị cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh Lai Châu tiếp tục xác minh, làm rõ các đối tượng trên để xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Giàng A S, Giàng A D phạm tội “*Tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả*”.

1/- Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 3 Điều 207, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Giàng A D. Xử phạt:

Bị cáo Giàng A S 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 27/3/2022.

Bị cáo Giàng A D 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 27/3/2022.

2/- Về hình phạt bổ sung:

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

3/- Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu để tiêu hủy: 280 (hai trăm tám mươi) tờ tiền mệnh giá 100 nhân dân tệ, có cùng số seri: AU90098802.

- Tịch thu, hóa giá để sung quỹ nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động Vivo Y67L màu hồng (đã qua sử dụng), số IMEI1: 865676039994117, IMEI2: 865676039994109, kèm theo 01 sim. (tại thời điểm giao nhận điện thoại không lên nguồn, không kiểm tra được số IMEI);

+ 01 (một) điện thoại di động itel màu đỏ đen (đã qua sử dụng), IMEI 1: 354975084336960, IMEI 2: 354975084336978, kèm theo 01 sim. (tại thời điểm giao nhận điện thoại không lên nguồn).

- Trả lại cho người có quyền lợi liên quan Giàng A H1: 01 (một) xe mô tô Wave RSX màu xanh đen, biển kiểm soát gắn trên xe 25B1-668.85, dung tích: 109,2, số máy JA52E0068089, số khung RLHJA3840KY030128. Xe cũ đã qua sử dụng, không thu được đăng ký xe.

(Tình trạng vật chứng như mô tả chi tiết trong Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cục Thi hành án dân sự tỉnh với Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh lập hồi 15 giờ 30' ngày 22/11/2022).

4/- Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi liên quan biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC và VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKS, CA, Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp Lai Châu (P.Lý lịch tư pháp);
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Các bị cáo, NCQLLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hoà

